

A: NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

01: NÔNG NGHIỆP VÀ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÓ LIÊN QUAN 011:

Trồng cây hàng năm

Ngành này gồm các hoạt động gieo trồng các loại cây có chu kỳ sinh trưởng của cây không kéo dài hơn một năm.

111 - 01110: Trồng lúa

Nhóm này gồm: Các hoạt động gieo trồng (cấy, sạ) các loại cây lúa: lúa nước, lúa cạn.

112 - 01120: Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác

Nhóm này gồm: Các hoạt động gieo trồng ngô và các loại cây lương thực có hạt khác như: lúa mỳ, lúa mạch, cao lương, kê.

Loại trừ: Trồng ngô cây làm thức ăn cho gia súc được phân vào nhóm 0119 (Trồng cây hàng năm khác).

113 - 01130: Trồng cây lấy củ có chất bột

Nhóm này gồm: Các hoạt động gieo trồng các loại cây lấy củ có hàm lượng tinh bột cao như: khoai lang, khoai tây, sắn, khoai nước, khoai sọ, củ từ, dong riềng,...

114 - 01140: Trồng cây mía

Nhóm này gồm: Các hoạt động trồng cây mía để chế biến đường, mật và để ăn không qua chế biến.

115 - 01150: Trồng cây thuốc lá, thuốc lào

Nhóm này gồm: Các hoạt động trồng cây thuốc lá, thuốc lào để cuốn thuốc lá điếu (xì gà) và để chế biến thuốc lá, thuốc lào.

Loại trừ: Hoạt động chế biến thuốc lá được phân vào nhóm 1200 (Sản xuất sản phẩm thuốc lá).

0116- 01160: Trồng cây lấy sợi

Nhóm này gồm: Các hoạt động trồng cây bông, đay, cói, gai, lanh, và cây lấy sợi khác.

0117 - 01170: Trồng cây có hạt chứa dầu

Nhóm này gồm: Các hoạt động gieo trồng các loại cây có hạt chứa dầu như cây đậu tương, cây lạc, cây vừng, cây thầu dầu, cây cải dầu, cây hoa hướng dương, cây rum, cây mù tạc và các cây có hạt chứa dầu khác.

0118: Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa

01181: Trồng rau các loại

Nhóm này gồm: Các hoạt động gieo trồng rau các loại:

- Trồng các loại rau lấy lá như: Rau cải, bắp cải, rau muống, súp lơ, cây bông cải xanh, rau diếp, măng tây, rau cúc, rau cần ta, rau cần tây và các loại rau lấy lá khác;
- Trồng các loại rau lấy quả như: Dưa hấu, dưa chuột, bí xanh, bí ngô, cà chua, cây cà, cây ớt, các loại dưa và rau có quả khác;
- Trồng các loại rau lấy củ, củ rễ, hoặc lấy thân như: Su hào, cà rốt, cây củ cải, cây hành, cây tỏi ta, cây tỏi tây, cây mùi, cây hẹ và cây lấy rễ, củ hoặc thân khác;
- Trồng cây củ cải đường;
- Trồng các loại nấm.

Loại trừ:

- Trồng cây làm gia vị được phân vào nhóm 01281 (Trồng cây gia vị lâu năm) và nhóm 01282 (Trồng cây được liêu, hương liêu lâu năm);
- Thu nhặt hoa quả hoang dại như: Trám, nấm rừng, rau rừng, quả rừng tự nhiên... được phân vào nhóm 02320 (Thu nhặt lâm sản trừ gỗ).
- Sản xuất giống nấm được phân vào nhóm 01310 (Nhân và chăm sóc giống cây hàng năm).

01182: Trồng đậu các loại

Nhóm này gồm: Các hoạt động gieo trồng các loại đậu để lấy hạt như: đậu đen, đậu xanh, đậu vàng, đậu trụng quốc, đậu hà lan...

Loại trừ: Trồng cây đậu tương được phân vào nhóm 01170 (Trồng cây có hạt chứa dầu).

01183: Trồng hoa hàng năm

Nhóm này gồm: Trồng các loại cây hàng năm lấy hoa hoặc cảnh, thân, lá, rễ để phục vụ nhu cầu sinh hoạt, làm đẹp cảnh quan, môi trường, sinh hoạt văn hóa...

01191: Trồng cây gia vị hàng năm

Nhóm này gồm: Trồng các loại cây chủ yếu làm gia vị như cây ớt cay, cây gừng, cây nghệ,... *Loại*

trừ: Trồng cây gia vị lâu năm được phân vào nhóm 01281 (Trồng cây gia vị lâu năm) *01192:*

0119: Trồng cây hàng năm khác

Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm

Nhóm này gồm: Trồng cây để làm thuốc và sản xuất hương liệu cung cấp cho công nghiệp dược phẩm hoặc làm thuốc chữa bệnh không qua chế biến (thuốc nam, thuốc bắc) như: Cây atiso, ngải, cây bạc hà, cà gai leo, cây xạ đen, ý dĩ,... và sản xuất hương liệu.

01199: Trồng cây hàng năm khác còn lại

Nhóm này gồm: Các hoạt động trồng cây nông nghiệp hàng năm chưa được phân vào các nhóm từ 0111 đến 0119. Gồm: Các hoạt động trồng cây thức ăn gia súc như: trồng ngô cây, trồng cỏ, chăm sóc đồng cỏ tự nhiên; thả bèo nuôi lợn; trồng cây làm phân xanh (muồng muồng); trồng cây sen, v.v...

012: Trồng cây lâu năm

Nhóm này bao gồm các hoạt động trồng các loại cây có chu kỳ sinh trưởng nhiều hơn một năm hoặc có thời gian sinh trưởng trong một năm nhưng cho thu hoạch sản phẩm trong nhiều năm.

0121: Trồng cây ăn quả

01211: Trồng nho

Nhóm này gồm: Trồng nho làm nguyên liệu sản xuất rượu nho và trồng nho ăn quả.

Loại trừ: Sản xuất rượu nho được phân vào nhóm 11020 (Sản xuất rượu vang).

01212: Trồng cây ăn quả vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới

Nhóm này gồm: Trồng cây xoài, cây chuối, cây đu đủ, cây vả, cây chà là, cây thanh long, các loại cây ăn quả vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới.

01213: Trồng cam, quýt và các loại quả có múi khác

Nhóm này gồm: Trồng cây cam, cây chanh, cây quýt, cây bưởi, các loại cam, quýt khác.

01214: Trồng táo, mận và các loại quả có hạt như táo

Nhóm này gồm: Trồng cây táo, cây mận, cây mơ, cây anh đào, cây lê và các loại quả có hạt như táo khác.

01215: Trồng nhãn, vải, chôm chôm

Nhóm này gồm: Trồng cây nhãn, cây vải, cây chôm chôm.

01219: Trồng cây ăn quả khác

Nhóm này gồm: Trồng các loại cây ăn quả chưa được phân vào các nhóm từ 01211 đến 01215. Gồm: Trồng cây ăn quả dạng bụi và cây có quả hạnh nhân như cây có quả mọng, cây mâm xôi, cây dâu tây, cây hạt dẻ, cây óc chó,...

Loại trừ: Trồng cây điều được phân vào nhóm 01230 (Trồng cây điều).

122 - 01220: Trồng cây lấy quả chứa dầu

Nhóm này gồm: Trồng cây dừa, cây ôliu, cây dầu cọ và cây lấy quả chứa dầu khác.

123 - 01230: Trồng cây điều

Nhóm này gồm: Các hoạt động trồng cây điều.

124 - 01240: Trồng cây hồ tiêu

Nhóm này gồm: Các hoạt động trồng cây hồ tiêu.

125 - 01250: Trồng cây cao su

Nhóm này gồm: Các hoạt động trồng cây cao su, lấy mủ và sơ chế mủ cao su khô.

126 - 01260: Trồng cây cà phê

Nhóm này gồm: Các hoạt động trồng cây cà phê.

0127- 01270: Trồng cây chè

Nhóm này gồm: Các hoạt động trồng cây chè.

0128: Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm

01281: Trồng cây gia vị lâu năm

Nhóm này gồm: Trồng các loại cây chủ yếu làm gia vị như cây đinh hương, cây vani,...

Loại trừ: Trồng cây hồ tiêu được phân vào nhóm 01240 (Trồng cây hồ tiêu).

Nhóm này gồm: Trồng cây lâu năm để làm thuốc và sản xuất hương liệu: cung cấp nguyên liệu cho

01282: Trồng cây dược liệu, hương liệu lâu năm

công nghiệp dược phẩm hoặc làm thuốc chữa bệnh không qua chế biến (thuốc nam, thuốc bắc) như: hoa nhài, hồi, ý dĩ, tam thất, sâm, sa nhân,...

Loại trừ:

Các hoạt động trồng quế, thảo quả, ... được phân vào nhóm 02103 (Trồng rừng và khai thác rừng khác).

0129: Trồng cây lâu năm khác

01291: Trồng cây cảnh lâu năm

Nhóm này gồm: Trồng các cây cảnh phục vụ nhu cầu sinh hoạt, làm đẹp cảnh quan, môi trường, sinh hoạt văn hóa.

01299: Trồng cây lâu năm khác còn lại

Nhóm này gồm: Trồng các cây lâu năm khác chưa được phân vào các nhóm từ 0121 đến 0128. Gồm các cây lâu năm như: Cây dâu tằm, cây trôm, cây cau, cây trầu không,...

013: Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp

131- 01310: Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm

Nhóm này gồm:

Hoạt động sản xuất hạt giống, gieo ươm các loại giống cây hàng năm như: sản xuất lúa giống; giống cây su hào, bắp cải, xúp lơ, cà chua, giống nấm...

132- 01320: Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm

Nhóm này gồm:

- Hoạt động sản xuất giống cây lâu năm như giâm cành, tạo chồi, cấy ghép chồi, tạo cây con để nhân giống cây trực tiếp hoặc tạo từ các gốc ghép cành thành các chồi non để cho ra sản phẩm cuối cùng là cây giống.

- Gieo ươm, cấy ghép, cắt cành và giâm cành các loại cây cảnh.

Loại trừ: Ươm giống cây lâm nghiệp được phân vào nhóm 02104 (Ươm giống cây lâm nghiệp).

014:

Chăn

nuôi

01382: Trồng và chăm sóc cây lấy lông (trừ thủy sản).

Loại trừ:

- Hỗ trợ giống, kiểm dịch, chăm sóc thú y được phân vào nhóm 01620 (Hoạt động dịch vụ chăn nuôi);
- Giết thịt, chế biến thịt, ngoài cơ sở chăn nuôi được phân vào nhóm 1010 (Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt);
- Sản xuất da, kéo sợi lông được phân vào nhóm 14200 (Sản xuất sản phẩm từ da lông thú).

0141: Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò

01411: Sản xuất giống trâu, bò

Nhóm này gồm:

- Chăn nuôi trâu, bò để sản xuất giống;
- Sản xuất tinh dịch trâu, bò.

01412: Chăn nuôi trâu, bò

Nhóm này gồm:

- Chăn nuôi trâu, bò thịt; cày kéo;
- Sản xuất sữa nguyên chất từ bò và trâu sữa;

Loại trừ:

- Chế biến sữa ngoài cơ sở chăn nuôi được phân vào nhóm 10500 (Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa).

0142: Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa

01421: Sản xuất giống ngựa, lừa

Nhóm này gồm:

- Chăn nuôi ngựa, lừa để sản xuất giống (bao gồm cả sản xuất giống ngựa đua);
- Sản xuất tinh dịch ngựa, lừa

01422: Chăn nuôi ngựa, lừa, la

- Chăn nuôi ngựa, lừa, la để lấy thịt, cày kéo, sữa.

Loại trừ:

01282: Trồng cây dược liệu, hương liệu lâu năm

- Hoạt động đưa ngựa được phân vào nhóm 93190 (Hoạt động thể thao khác).

0144: Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai

01441: Sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai

Nhóm này gồm:

- Chăn nuôi dê, cừu, hươu, nai để sản xuất giống;

- Sản xuất tinh dịch dê, cừu, hươu, nai.

01442: Chăn nuôi dê, cừu, hươu, nai

Nhóm này gồm:

- Chăn nuôi dê, cừu, hươu, nai để lấy thịt;

- Sản xuất sữa nguyên chất từ dê và cừu sữa;

- Chăn nuôi cừu để lấy lông.

Loại trừ:

- Công việc cắt xén lông cừu trên cơ sở phí và hợp đồng được phân vào nhóm 01620 (Hoạt động dịch vụ chăn nuôi);

- Sản xuất da lông kéo thành sợi được phân vào nhóm 1010 (Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt);

- Chế biến sữa được phân vào nhóm 10500 (Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa).

0145: Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn

01451: Sản xuất giống lợn

Nhóm này gồm:

- Chăn nuôi lợn để sản xuất giống;

- Sản xuất tinh dịch lợn.

01452: Chăn nuôi lợn

Nhóm này gồm:

- Chăn nuôi lợn thịt, lợn sữa.

01282: Trồng cây dược liệu, hương liệu lâu năm

Loại trừ:

- Hoạt động kiểm dịch lợn, chăm sóc và cho bú được phân vào nhóm 06120 (Hoạt động dịch vụ chăn nuôi).
- Giết thịt, chế biến thịt lợn ngoài trang trại chăn nuôi được phân vào nhóm 1010 (Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt).

0146: Chăn nuôi gia cầm

01461: Hoạt động ấp trứng và sản xuất giống gia cầm

Nhóm này gồm:

- Hoạt động của các cơ sở ấp trứng gia cầm để lấy con giống và trứng lợn.

01462: Chăn nuôi gà

Nhóm này gồm: Hoạt động chăn nuôi gà lấy thịt và lấy trứng.

01463: Chăn nuôi vịt, ngan, ngỗng

Nhóm này gồm: Chăn nuôi vịt, ngan, ngỗng lấy thịt và lấy trứng.

01469: Chăn nuôi gia cầm khác

Nhóm này gồm: Nuôi đà điểu, nuôi các loài chim cút, chim bồ câu.

0149 - 01490: Chăn nuôi khác

Nhóm này gồm:

- Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà, các con vật nuôi khác kể cả các con vật cảnh (trừ cá cảnh): chó, mèo, thỏ, bò sát, côn trùng;
- Nuôi ong, nhân giống ong và sản xuất mật ong;
- Nuôi tằm, sản xuất kén tằm;
- Sản xuất da lông thú, da bò sát từ hoạt động chăn nuôi.

Loại trừ:

- Nuôi và thuần dưỡng thú từ các trại được phân vào nhóm 01620;
- Sản xuất da, lông của các con vật do săn bắt và đánh bắt được phân vào nhóm 01700 (Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan);
- Trang trại nuôi ếch, nuôi cá sấu, nuôi ba ba được phân vào nhóm 03222 (Nuôi trồng thủy sản nước ngọt);

01282: Trồng cây được liêu, hương liệu lâu năm (Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên).

015 - 0150 - 01500: Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp

Nhóm này gồm: Gieo trồng kết hợp với chăn nuôi gia súc như hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trong các đơn vị trồng trọt mà không có hoạt động nào chiếm hơn 66% giá trị sản xuất của đơn vị.

Loại trừ: Các đơn vị gieo trồng hỗn hợp hoặc chăn nuôi hỗn hợp được phân loại theo hoạt động chính của chúng (Hoạt động chính là hoạt động có giá trị sản xuất từ 66% trở lên).

016: Hoạt động dịch vụ nông nghiệp

161 - 01610: Hoạt động dịch vụ trồng trọt

Nhóm này gồm:

Các hoạt động được chuyên môn hóa phục vụ cho bên ngoài trên cơ sở phí hoặc hợp đồng các công việc sau:

- Xử lý cây trồng;
- Phun thuốc bảo vệ thực vật, phòng chống sâu bệnh cho cây trồng, kích thích tăng trưởng, bảo hiểm cây trồng;
- Cắt, xén, tỉa cây lâu năm;
- Làm đất, gieo, cấy, sạ, thu hoạch;
- Kiểm soát loài sinh vật gây hại trên giống cây trồng;
- Kiểm tra hạt giống, cây giống;
- Cho thuê máy nông nghiệp có người điều khiển;
- Hoạt động tưới, tiêu nước phục vụ trồng trọt.

Loại trừ:

- Các hoạt động cho cây trồng sau thu hoạch được phân vào nhóm 01630 (Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch);
- Hoạt động của các nhà nông học và nhà kinh tế nông nghiệp được phân vào nhóm 7490 (Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu);
- Tổ chức trình diễn hội chợ sản phẩm nông nghiệp được phân vào nhóm 82300 (Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại);
- Kiến trúc phong cảnh được phân vào nhóm 71101 (Hoạt động kiến trúc).

162 - 01620: Hoạt động dịch vụ chăn nuôi

01282: Trồng cây dược liệu, hương liệu lâu năm

Nhóm này gồm:

Các hoạt động được chuyên môn hóa phục vụ cho bên ngoài trên cơ sở phí và hợp đồng các công việc sau:

- Hoạt động để thúc đẩy việc nhân giống; tăng trưởng và sản xuất sản phẩm động vật;
- Kiểm tra vật nuôi, chăn dắt cho ăn, thiến hoạn gia súc, gia cầm, rửa chuồng trại, lấy phân...;
- Các hoạt động liên quan đến thụ tinh nhân tạo;
- Cắt, xén lông cừu;
- Các dịch vụ chăn thả, cho thuê đồng cỏ;
- Nuôi dưỡng và thuần dưỡng thú;
- Phân loại và lau sạch trứng gia cầm, lột da súc vật và các hoạt động có liên quan;
- Đóng móng ngựa, trông nom ngựa.

Loại trừ:

- Hoạt động chăm sóc động vật, vật nuôi, kiểm soát giết mổ động vật, khám chữa bệnh động vật, vật nuôi được phân vào nhóm 75000 (Hoạt động thú y);
- Cho thuê vật nuôi được phân vào nhóm 77309 (Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu);
- Các dịch vụ săn bắt và đánh bắt vì mục đích thương mại được phân vào nhóm 01700 (Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan);
- Chăm sóc, nuôi các loại chim, vật nuôi làm cảnh được phân vào nhóm 91030 (Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên);
- Hoạt động của các trường nuôi ngựa đua được phân vào nhóm 93190 (Hoạt động thể thao khác).

163 - 01630: Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch

Nhóm này gồm:

- Các khâu chuẩn bị trước khi bán sản phẩm, như làm sạch, phân loại, sơ chế, phơi sấy;
- Tia hạt bông;
- Sơ chế thô lá thuốc lá, thuốc lào;
- Sơ chế thô hạt cô ca... ;

Loại trừ:

01282: Trồng cây được liêu, hương liệu lâu năm
- Các hoạt động sản xuất của nhà sản xuất nông nghiệp, hoạt động này được phân vào nhóm 011 (Trồng cây hàng năm) hoặc nhóm 012 (Trồng cây lâu năm);

- Cuốn và sấy thuốc lá được phân vào nhóm 1200 (Sản xuất sản phẩm thuốc lá);
- Các hoạt động thị trường của các thương nhân và các hợp tác xã được phân vào nhóm 461 (Đại lý, môi giới, đấu giá);
- Hoạt động bán buôn sản phẩm nông nghiệp chưa qua chế biến được phân vào nhóm 462 (Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống).

164 - 01640: Xử lý hạt giống để nhân giống

Nhóm này gồm: Các hoạt động lựa chọn những hạt giống đủ chất lượng thông qua việc loại bỏ những hạt không đủ chất lượng bằng cách sàng lọc, chọn một cách kỹ lưỡng để loại bỏ những hạt bị sâu, những hạt giống còn non, chưa khô để bảo quản trong kho. Những hoạt động này bao gồm phơi khô, làm sạch, phân loại và bảo quản cho đến khi chúng được bán trên thị trường.

Loại trừ:

- Sản xuất hạt giống các loại được phân vào nhóm 011 (Trồng cây hàng năm) và nhóm 012 (Trồng cây lâu năm);
- Hoạt động nghiên cứu về di truyền học làm thay đổi hạt giống phát triển hoặc lai ghép giống mới được phân vào nhóm 721 (Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật);
- Chế biến hạt giống để làm dầu thực vật được phân vào nhóm 10402 (Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật).

017 - 0170 - 01700: Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan

Nhóm này gồm:

- Săn bắt và bắt thú để bán;
- Bắt động vật để làm thực phẩm, lấy lông, lấy da hoặc để phục vụ cho mục đích nghiên cứu, nuôi trong sở thú hay trong gia đình;
- Sản xuất da, lông thú, da bò sát và lông chim từ các hoạt động săn bắt;
- Bắt động vật có vú ở biển như hà mã và hải cẩu;
- Hoạt động khai thác yến ở hang, xây nhà gọi yến;
- Thuần hoá thú săn được ở các vườn thú;
- Các hoạt động dịch vụ nhằm kích thích sự săn bắt và đánh bắt để bán;

Loại trừ:

- Sản xuất lông, da thú, da bò sát, lông chim từ hoạt động chăn nuôi được phân vào nhóm 14200 (Sản

01282: Trồng cây dược liệu, hương liệu lâu năm

- Đánh bắt cá voi, cá mập được phân vào nhóm 03110 (Khai thác thủy sản biển);
- Sản xuất da sống và các loại da của các lò mổ được phân vào 14200 (Sản xuất sản phẩm từ da lông thú);
- Các hoạt động dịch vụ có liên quan đến săn bắt, thể thao hoặc giải trí được phân vào nhóm 93190 (Hoạt động thể thao khác).